

Bản án số: 644/2018/LĐ-PT

Ngày: 29-6-2018

V/v “Tranh chấp bồi thường tai nạn lao động”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Giang.

*Các Thẩm phán:*

1. Bà Võ Thị Sang;
2. Ông Nguyễn Tiến Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:** Ông Tôn Mạnh Hùng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai đối với vụ án lao động phúc thẩm đã thụ lý số 100/2017/TLPT-LĐ ngày 29 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp bồi thường tai nạn lao động”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 04/2017/LĐ-ST ngày 17/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2465/2018/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông **Trần Xuân T** – sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: D18/52 ấp 4 xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Lê Văn T** – sinh năm 1988 (theo giấy ủy quyền có số công chứng 003665, quyển số 04/2017/HĐGD-CCAL lập ngày 25/4/2017 tại Văn phòng công chứng A) (có mặt).

Địa chỉ: A14/11 đường N, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư **Nguyễn Đức T.Y** – Chi nhánh Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn T thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

*Bị đơn:* Công ty **Cổ phần Sản xuất N**.

Địa chỉ trụ sở: 95 đường P, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà **Phạm Thị Đ** – sinh năm 1958; chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Phạm Công K** – sinh năm 1968 (theo giấy ủy quyền số 275/UQ-NP ngày 29/01/2018) (có mặt).

Địa chỉ: Số 68 đường H, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người làm chứng:*

1/ Ông **Lý D** – sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: 225/17C đường L, khu phố 2, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông **Trịnh Văn Q** – sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 137 đường P, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Xuân T là ông Lê Văn T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Nguyên đơn ông Trần Xuân T có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Văn T trình bày:***

Từ ngày 15/09/2013 ông T bắt đầu vào làm việc tại Công ty Cổ phần Sản xuất N (sau đây gọi tắt là Công ty N) với mức lương 6.000.000 đồng/tháng, hai bên không có ký hợp đồng lao động và Công ty N không đóng bảo hiểm xã hội hay bất cứ khoản nào khác cho ông T.

Khoảng 15 giờ ngày 06/02/2016 tại xưởng sản xuất thuộc Chi nhánh của Công ty N (Địa chỉ: F9/68D ấp 6, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh) khi ông T đang thử máy chuyên nhựa thì vật liệu bị kẹt trong máy, ông T vào sửa chữa thì bị máy cuốn gãy tay mà T đang đeo (găng tay là vật dụng bảo hộ lao động bắt buộc phải đeo) và máy cuốn luôn cánh tay phải của T. Do sức hút và sức ép của máy quá lớn nên cánh tay phải của ông T đã bị dập nát, phải nhập viện điều trị cắt cánh tay để giữ tính mạng (tỉ lệ thương tật 65%). Sau khi bị tai nạn, Công ty N có hỗ trợ cho ông T 16.400.000 đồng (bao gồm tiền viện phí, tiền thuốc...). Ông T nhiều lần yêu cầu Công ty N bồi thường nhưng Công ty N đã từ chối. Ngày 04/08/2016 Công ty cho ông T nghỉ việc không lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Yêu cầu Công ty N bồi thường thiệt hại khi xảy ra tai nạn lao động theo quy định của Bộ luật Lao động hiện hành và hỗ trợ do bị suy giảm 65% khả năng lao động là 141.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi một triệu đồng).

2/ Yêu cầu Công ty N trả khoản tiền tương ứng (tiền trợ cấp) với chế độ tai nạn lao động theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội (do Công ty N chưa đóng bảo hiểm xã hội cho cơ quan bảo hiểm xã hội) khi bị suy giảm khả năng lao động 65% là 56.400.000 đồng (Năm mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

3/ Yêu cầu Công ty N thanh toán tiền lương từ khi Công ty N cho ông T nghỉ việc tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 84.000.000 đồng (Tám mươi bốn triệu đồng).

***Bị đơn Công ty Cổ phần Sản xuất N có người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Công K trình bày:***

Trước năm 2015, ông Trần Xuân T có đến Công ty N xin việc làm thợ chạy dây đai, Công ty đã ký hợp đồng thử việc với ông T. Kết thúc thời gian thử việc, Công ty có đề nghị ông T ký tiếp hợp đồng lao động theo quy định, tuy nhiên ông T không đồng ý vì sợ trách nhiệm và không muốn nộp một phần bảo hiểm xã hội. Mặt khác ông T còn nhiều mối làm ăn (môi giới, mua bán, sửa chữa máy móc) khác bên ngoài và đề nghị Công ty chỉ hợp đồng khoán việc “bằng miệng” về việc sửa chữa máy móc thiết bị tại Công ty. Cụ thể ông T sẽ sửa chữa toàn bộ máy móc thiết bị bất kể khi nào máy hỏng (kể cả ngày đêm), ông T vẫn có thể đi làm ăn các mối riêng của mình mà không phải chịu sức ép về giờ giấc làm việc tại Công ty chúng tôi.

Trong thời gian ông T làm việc, máy móc chạy không ổn định, rất hay hỏng, phải thay nhiều linh kiện (toàn bộ do ông T đi mua và về bán lại cho Công ty) và thời gian sửa chữa máy móc của ông T cũng vì thế mà tăng nhiều. Công ty N vì thế mà cũng phải chịu một khoản phí sửa chữa lớn (tiền công trả cho việc sửa chữa máy móc của ông T và thiết bị do ông T bán lại) nên đến cuối năm 2015 Công ty quyết định thay toàn bộ máy mới. Trong đó Công ty có mua 01 băng tải trực vít dùng để đưa nhựa lên. Ông T chính là người môi giới cho Công ty mua thiết bị này của ông Hải (là anh em họ của T) và ông T đảm bảo thiết bị này chạy trước tết nguyên đán năm 2016.

Ngày 06/02/2016 (tức là 28/12/2015 âm lịch, cận tết nguyên đán), Công ty N ngừng hoạt động để dọn dẹp, đã tổ chức tất niên và nghỉ tết. Toàn bộ công nhân đã nghỉ và về quê ăn tết chỉ còn một vài người ở lại trông coi xưởng. Ông T tự ý vào xưởng ngày vận hành thử thiết bị này và đến chiều cùng ngày thì T xảy ra tai nạn đối với chính thiết bị nêu trên. Phía Công ty đã chở T đi cấp cứu và cũng đã hỗ trợ tiền viện phí, thuốc men, thuê người chăm lo và động viên tinh thần, vật chất cho T số tiền 16.400.000 đồng (Mười sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

Sau khi xuất viện, mặc dù không làm được gì nhưng hàng tháng chúng tôi vẫn phát lương đầy đủ cho T là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

Công ty N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T đưa ra vì các lý do như sau:

- Ông T không phải là nhân viên của Công ty N, chỉ là một lao động sửa chữa máy móc, Công ty N không có ký hợp đồng lao động với ông T.

- Ông T đã tự ý vào Công ty vào ngày 06/02/2016 vận hành thử máy đã môi giới bán cho chúng tôi, trong khi đó không được người có thẩm quyền của

Công ty N yêu cầu vì ngày xảy ra tai nạn thì Công ty đã nghỉ tết, không còn làm việc.

- Công ty N đã hỗ trợ tiền viện phí, thuốc men, thuê người chăm lo và động viên tinh thần, vật chất cho ông T với số tiền là 16.400.000 đồng.

***Người làm chứng ông Lý D trình bày:***

Tháng 8/2015 ông bắt đầu làm việc tại Công ty N với mức lương 4.500.000 đồng, vị trí làm việc là thợ chạy máy. Ông và Công ty không có ký hợp đồng lao động và Công ty không có thực hiện các chế độ bảo hiểm cho ông. Chiều ngày 05/02/2016, ông Nguyễn Quang V (Là con ruột của bà Phạm Thị Đ – Giám đốc Công ty) yêu cầu ông, ông Trần Xuân T và ông Trịnh Văn Q sang ngày 06/02/2016 tiến hành vận hành thử máy để đảm bảo máy móc chạy tốt ra tết cho công nhân làm việc. Đến 15 giờ chiều cùng ngày trong lúc 03 người đang thử máy chuyển nhựa thì vật liệu bị kẹt trong máy, ông T vào sửa thì vô tình bị máy cuốn gãy tay ông T đang đeo (găng tay là vật dụng bảo hộ lao động phải đeo) và cuốn luôn cánh tay của ông T vào máy. Do sức hút và sức ép của máy quá lớn nên cánh tay ông T bị dập nát, sau đó ông Q và ông đưa ông T tới Bệnh viện huyện B còn ông ở lại giữ Công ty. Đến tháng 3/2016, ông nghỉ việc tại Công ty.

***Người làm chứng ông Trịnh Văn Q trình bày:***

Tháng 10/2014 ông bắt đầu làm việc tại Công ty N với mức lương 4.500.000 đồng, vị trí làm việc là thợ chạy máy. Ông và Công ty không có ký hợp đồng lao động và Công ty không có thực hiện các chế độ bảo hiểm cho ông. Chiều ngày 05/02/2016, ông Nguyễn Quang V (Là con ruột của bà Phạm Thị Đ – Giám đốc Công ty) có yêu cầu ông, ông Trần Xuân T và ông Lý D sang ngày 06/02/2016 tiến hành vận hành thử máy để đảm bảo chạy tốt ra tết cho công nhân làm việc.

Đến 15 giờ chiều cùng ngày trong lúc 03 người đang thử máy chuyển nhựa thì vật liệu bị kẹt trong máy, ông T vào sửa thì vô tình bị máy cuốn gãy tay ông T đang đeo (găng tay là vật dụng bảo hộ lao động phải đeo) và cuốn luôn cánh tay của ông T vào máy.

Do sức hút và sức ép của máy quá lớn nên cánh tay ông T bị dập nát, sau đó ông và ông V đưa ông T tới Bệnh viện huyện B để chữa trị và ông trở lại chi nhánh Công ty để lấy cánh tay của ông T, bỏ vào thùng đá đưa lên Bệnh viện C. Đến tháng 4/2016, ông nghỉ việc tại Công ty.

***Tại bản án lao động sơ thẩm số 04/2017/LĐ-ST ngày 17/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:***

Căn cứ khoản 1 Điều 32; điểm đ khoản 1 Điều 40; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 15, 16, 18, 22, 23, 142 Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ Điều 43 Luật Bảo hiểm xã hội;

Căn cứ khoản 2 Điều 11 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Xuân T về việc yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần Sản xuất N bồi thường thiệt hại do tai nạn lao động.

2. Về án phí: Ông Trần Xuân T được miễn nộp toàn bộ án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào ngày 30/10/2017 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Văn T có đơn kháng cáo không đồng ý quyết định của bản án sơ thẩm với lý do: Ông Trần Xuân T đến xưởng sản xuất của Công ty Cổ phần Sản xuất N sửa máy vào chiều 28 Tết (âm lịch) theo sự điều động của ông Nguyễn Quang V là con trai của bà Phạm Thị Đ - giám đốc Công ty. Ngoài ông T tham gia sửa chữa máy còn có ông Lý D và ông Trịnh Văn Q. Sau khi tai nạn xảy ra ông V có đưa nạn nhân đến bệnh viện cấp cứu. Khi giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét đến yêu cầu của nguyên đơn về bồi thường thiệt hại do tai nạn lao động và bồi thường tiền lương trong những ngày không được làm việc do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với ông Trần Xuân T là không đúng quy định của pháp luật về lao động; đề nghị được xem xét lại toàn bộ vụ án.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Nguyên đơn ông Trần Xuân T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo buộc bị đơn Công ty Cổ phần Sản xuất N phải bồi thường thiệt hại cho người lao động do tai nạn, tổn hại sức khỏe 65%; phải trợ cấp tai nạn do không đóng bảo hiểm xã hội; phải bồi thường khoản tiền tương ứng với tiền lương trong những ngày không được làm việc do bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật tính đến ngày Tòa án giải quyết phúc thẩm vụ án với tổng số tiền phải trả hoặc thanh toán bằng 389.600.000 đồng. Trong bài tranh luận tại phiên tòa, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm giải quyết ngay quyền lợi cho ông Trần Xuân T vì chứng cứ giao nộp đã rõ ràng. Hiện ông T bị tuyên giảm nặng về sức khỏe, hoàn cảnh kinh tế gia đình rất khó khăn; số tiền bị đơn phải bồi thường như đại diện ủy quyền của nguyên đơn đã đưa ra tại phiên tòa.

Tiến hành hòa giải tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Xuân T đề nghị bị đơn hỗ trợ số tiền 200.000.000 đồng để tiếp tục chữa trị vết thương; thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động và rút lại yêu cầu khởi kiện nhưng đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý với lý do: Sau thời gian điều trị thương tích vì bức xúc ông Trần Xuân T đã có hành vi cư xử không đúng, lợi dụng mạng xã hội nói xấu người thân của giám đốc; thực tế ông T đã được công ty thanh toán tiền viện phí, trực tiếp nhận thêm 2.000.000 đồng và được trả tiền công lao động trong thời gian điều trị. Nay có yêu cầu khởi kiện của ông T, Công ty đồng ý nhận ông T trở lại làm việc với công việc và mức lương phù hợp khả năng và sức khỏe nhưng không đồng ý bồi thường tai nạn lao động vì ông T cùng một số người khác tự ý vào xưởng sản xuất vận hành máy; đồng thời không đồng ý trả khoản tiền tương ứng với tiền lương trong những ngày không được làm việc do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động vì giữa các bên không xác lập hợp đồng lao động.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, các đương sự trong vụ án, đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề xuất về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Khi giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể là yêu cầu đòi trả tiền lương trong những ngày không được làm việc tính đến ngày xét xử sơ thẩm do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Mặt khác, theo lời khai của nguyên đơn và hai người làm chứng khác thì vào ngày xảy ra tai nạn lao động, các ông T, D, Q được ông Nguyễn Quang V là con trai của giám đốc Công ty là bà Phạm Thị Đ điều động vào xưởng sản xuất thuộc chi nhánh Công ty Cổ phần Sản xuất N tại ấp 6 xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh sửa chữa, vận hành máy ép nhựa thì xảy ra sự cố; Quá trình thu thập chứng cứ Tòa sơ thẩm chỉ ghi nhận lời khai nhưng không đưa ông Nguyễn Quang V tham gia tố tụng với tư cách Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án để làm rõ trách nhiệm là thiếu sót, không bảo đảm việc giải quyết vụ án khách quan, đúng pháp luật. Do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng như: Giải quyết thiếu yêu cầu của đương sự; thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, đưa thiếu người tham gia tố tụng nên cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đề nghị xử hủy toàn bộ bản án lao động sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B Thành phố Hồ Chí Minh. Giao hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn do người đại diện theo ủy quyền nộp trong phạm vi ủy quyền và trong hạn luật định, phù hợp với các quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Xem xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ và phúc thẩm, nguyên đơn xác định các yêu cầu khởi kiện như sau:

1/ Công ty Cổ phần Sản xuất N phải bồi thường thiệt hại khi xảy ra tai nạn lao động theo quy định của Bộ luật Lao động, hỗ trợ do bị suy giảm 65% khả năng lao động.

2/ Công ty Cổ phần Sản xuất N phải trả khoản tiền trợ cấp tai nạn lao động theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội khi người lao động bị suy giảm sức khỏe 65%.

3/ Công ty Cổ phần Sản xuất N phải thanh toán tiền lương trong những ngày không được làm việc tính từ ngày Công ty thông báo cho ông Trần Xuân T nghỉ việc từ tháng 4/2016 đến ngày tòa án giải quyết vụ án. Tổng số tiền có yêu cầu tạm tính ngày xét xử sơ thẩm là 194.600.000 đồng.

[2.1] Theo bản tự khai của nguyên đơn, được sự thừa nhận của đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại phiên tòa thì từ trước năm 2015 ông Trần Xuân T có đến Công ty Cổ phần Sản xuất N (gọi tắt là Công ty N) xin làm thợ chạy dây đai; Công ty có ký hợp đồng thử việc với ông T. Kết thúc thời gian thử việc ông T vẫn được Công ty cho làm việc tại đây. Căn cứ các bảng chấm công từ tháng 02/2015 đến tháng 02/2016 do Công ty N xuất trình thì trên danh sách nhận lương ông Trần Xuân T đứng ở vị trí thứ 3 từ trên xuống; nhận đủ lương 12 tháng kể cả tiền tăng ca, làm thêm giờ. Mặc dù giữa Công ty N với ông T không giao kết hợp đồng lao động nhưng theo quy định tại các Điều 15, 16, 18, 22, 23, 26, 27 và 29 Bộ luật Lao động (năm 2012) có cơ sở để xác định ông Trần Xuân T là người lao động thuộc Công ty N. Việc Công ty không ký kết hợp đồng lao động với ông T; không tham gia các loại hình bảo hiểm xã hội bắt buộc cho người lao động đã vi phạm quy định tại mục 1 Chương III về “Hợp đồng lao động” của Bộ Luật lao động hiện hành.

Quá trình làm việc tại Công ty N, vào lúc 15 giờ ngày 06/02/2016 (nhằm 28 Tết âm lịch) tại xưởng sản xuất thuộc chi nhánh Công ty ở số F9/68D ấp 6 xã H, huyện B khi ông Trần Xuân T cùng hai lao động khác là ông Lý D, Trịnh Văn Q đang sửa chữa, vận hành máy chuyên nhựa thì tai nạn lao động xảy ra với cá nhân ông Trần Xuân T. Do sức hút, sức ép của máy quá lớn nên 1/3 cánh tay phải của ông T bị đập nát phải cắt bỏ với tỷ lệ thương tật được giám định là 65%. Liên kê sau khi tai nạn xảy ra người sử dụng lao động là Công ty N không

tiến hành khai báo ngay với Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương hoặc lập biên bản sơ bộ điều tra tai nạn lao động như hướng dẫn tại điểm a, b khoản 1 Điều 13 Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Lao động về thời gian làm việc, nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động để làm cơ sở xử lý về sau, dẫn đến tranh chấp phát sinh.

Trình bày tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn khai: Chỉ một thời gian ngắn sau khi điều trị vết thương ở bệnh viện về, vào ngày 04/8/2016 Ban giám đốc Công ty N có thông báo miệng cho ông Trần Xuân T nghỉ việc, không cho đến khu vực nhà xưởng của công ty. Mặc dù nguyên đơn không có yêu cầu cụ thể về tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, chỉ đòi tiền lương trong những ngày không được làm việc tính từ tháng 8/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm nhưng khi giải quyết vụ án Hội đồng xét xử sơ thẩm đã không đề cập, xem xét đến nội dung khởi kiện trên của nguyên đơn như quy định tại Điều 5 Bộ Luật tố tụng dân sự là thiếu sót, thuộc trường hợp giải quyết thiếu yêu cầu của đương sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự.

[2.2] Trình bày tại các bản tự khai và tại hai phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Xuân T cùng những người làm chứng là các ông Lý D, ông Trịnh Văn Q cho rằng: Vào chiều ngày 05/02/2016 (27 Tết âm lịch) sau khi dự tất niên ông Nguyễn Quang V là con ruột của bà Phạm Thị Đ - Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất N thường trú ngay tại khu nhà xưởng của công ty số F9/68D ấp 6, xã H, huyện B có yêu cầu các ông Trần Xuân T, Lý D, Trịnh Văn Q sang ngày hôm sau 06/02/2016 (28 Tết âm lịch) vào khu xưởng sản xuất vận hành thử máy ép nhựa để bảo đảm máy chạy tốt ra tết cho công nhân làm việc. Xuất phát từ đề nghị trên, các ông đến thử máy thì xảy ra tai nạn lao động. Theo ông T cùng ông D và Q thì do cả nê ông V là con trai của giám đốc, có mối quan hệ thân tình thường ngày nên các ông thực hiện công việc theo yêu cầu; đồng thời sau khi xảy ra tai nạn ông V cũng phối hợp đưa ông T đi bệnh viện cấp cứu. Trường hợp này, cho dù ông Nguyễn Quang V không nắm giữ nhiệm vụ gì trong Công ty nhưng khi giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm chỉ triệu tập ông V đến tòa để cung cấp lời khai mà không đưa ông V tham gia tố tụng với tư cách Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án để làm rõ động cơ và chịu trách nhiệm về dân sự (nếu có) là không đầy đủ. Nếu xác định đúng ông Nguyễn Quang V là người đã có yêu cầu hoặc điều động các công nhân T, D, Q vào xưởng máy vận hành chiều ngày 06/2/2016 để tai nạn lao động xảy ra thì ông V phải liên đới trách nhiệm cùng Công ty N bồi thường thiệt hại do tai nạn lao động.

[2.3] Mặt khác, khi giải quyết vụ việc tranh chấp này Tòa án cấp sơ thẩm không vận dụng đầy đủ các văn bản hướng dẫn pháp luật về lao động có liên quan đến tai nạn lao động và trách nhiệm bồi thường của người sử dụng lao động đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành; gồm:

+ Quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về thời gian làm việc, nghỉ ngơi và an toàn lao động.

+ Văn bản hướng dẫn về việc bồi thường tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, trợ cấp tai nạn lao động được quy định tại Điều 3, 4, 6 Thông tư số 04/2015/TTBLĐ-TB-XH ngày 12/02/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; dẫn đến quyền lợi của người lao động chưa được bảo đảm.

[2.4] Từ phân tích và nhận định trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Khi giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng dân sự mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được; tại phiên tòa phúc thẩm người sử dụng lao động - Công ty Cổ phần Sản xuất N bị đơn trong vụ án không có thiện chí hòa giải theo yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, để bảo đảm việc giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần phải xử hủy toàn bộ bản án lao động sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B như đề nghị Đại diện Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa. Giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm để tiến hành xét xử lại vụ án theo thủ tục chung

[3] Án phí lao động sơ thẩm: Sẽ được giải quyết khi xét xử lại vụ án.

[4] Án phí lao động phúc thẩm: Nguyên đơn ông Trần Xuân T được miễn.

*Vì những lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

I/ Đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Xuân T là ông Lê Văn T nộp trong thời hạn luật định là hợp lệ nên được chấp nhận.

II/ Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Xuân T là ông Lê Văn T.

Xử:

1. Hủy toàn bộ bản án lao động sơ thẩm số 04/2017/LĐ-ST ngày 17/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Giao toàn bộ hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm để tiến hành thu thập chứng cứ, xét xử lại vụ án theo thủ tục chung.

2. Án phí lao động sơ thẩm: Sẽ được giải quyết khi xét xử lại vụ án.

3. Án phí lao động phúc thẩm: Nguyên đơn ông Trần Xuân T được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TANDTC (1)
- TAND cấp cao (tại Tp.HCM) (1)
- TAND huyện B (1)
- VKSND cấp cao (tại Tp.HCM) (1)
- VKSND Tp.HCM (1)
- Chi cục THADS h. B (1)
- Các đương sự (2)
- Lưu hồ sơ vụ án (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Giang**